

0.a. Goal

Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới

0.b. Target

Mục tiêu 9.2: Đến năm 2030, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; tăng đáng kể tỷ lệ việc làm và tổng sản phẩm quốc nội của ngành công nghiệp (mục tiêu 9.2 và Mục tiêu 9.4 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 9.2.1. Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng sản phẩm trong nước

0.d. Series

Manufacturing value added as a proportion of GDP [9.2.1] NV_IND_MANF

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@gso.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) là tỷ lệ phần trăm của giá trị tăng thêm được tạo ra của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với GDP trong một thời kỳ nhất định.

2.c. *Classifications*

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. *Data sources*

- Điều tra doanh nghiệp;
- Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

3.b. *Data collection method*

Chỉ tiêu được lồng ghép thu thập qua 2 cuộc điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện. Đây là những cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, cụ thể:

* Điều tra doanh nghiệp

- Đối tượng, đơn vị điều tra: Các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp/HTX hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp, Luật HTX; các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Loại điều tra: Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu
- Nội dung điều tra:
 - + Số lượng doanh nghiệp; số lao động, nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, vốn đầu tư; tài chính, tín dụng;
 - + Tài sản và các thông tin chuyên ngành kinh tế;
- Thời kỳ, thời điểm điều tra: Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 3.

* Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

- Đối tượng, đơn vị điều tra: Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản).
- Loại điều tra: Điều tra toàn bộ kết hợp chọn mẫu
- Nội dung điều tra:
 - + Số cơ sở và lao động của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể;
 - + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: tài sản, nguồn vốn, doanh thu, nộp ngân sách;
 - + Thông tin chuyên ngành;
- Thời kỳ, thời điểm điều tra: Chu kỳ hàng năm, ngày 01 tháng 10.

3.d. *Data release calendar*

Năm.

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Tại Việt Nam, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng tăng. Do đó, chỉ tiêu này là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ công nghiệp hóa của một quốc gia. Tỷ trọng của giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tổng sản phẩm trong nước phản ánh vai trò của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong nền kinh tế nói riêng và sự phát triển quốc gia nói chung.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\frac{\text{Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP}}{\text{Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo}} = \frac{\text{Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo}}{\text{Tổng sản phẩm trong nước}} \times 100$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo} \\ \text{Giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo} \\ \text{Chi phí trung gian ngành công nghiệp chế biến, chế tạo} \end{array} -$$

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn hàng năm từ 2010-2019

Chưa công bố số liệu đầy đủ theo các phân tổ loại hình kinh tế và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Số liệu từ Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này phản ánh 1 phần chỉ tiêu SDG toàn cầu 9.2.1: Manufacturing value added as a proportion of GDP and per capita.

Số liệu của Việt Nam bảo đảm so sánh quốc tế.

7. References and Documentation

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ
- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Báo cáo quốc gia năm 2020 tiến độ 5 năm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>